TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP.BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25/12/2017.
V/v: " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Thành.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Hoàng Viết Oanh.

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Muôn – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2017, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1072/2017/TLST-HNGĐ, ngày 16/11/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2017/QĐXX – HNGĐ ngày 08/12/2017 giữa các đương sự :

+ Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh N, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn b xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn b xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh N trình bày:**

-Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng tôi chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk. Do tình cảm vợ chồng sống chung với nhau không hợp, nên mỗi lúc gần nhau là vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2002 ông T bỏ nhà ra đi từ đó cho đến nay. Ngày 10/5/2013, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố ông Phạm T mất tích. Nay tôi làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 11/10/2001. Hiện tại cháu L đang sinh sống cùng với tôi, nên tôi xin được nuôi.

-Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết.

*** Bị đơn ông Phạm T:** Ngày 10/5/2013, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk tuyên bố ông Phạm T mất tích.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà phát biểu về vệc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án: Hội đồng xét xử và Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ánh N. Cho bà Trần Thị Ánh N được ly hôn với ông Phạm T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 11/10/2001 cho bà Trần Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do ông T được Tòa án tuyên bố mất tích nên bà N không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào quy định tại Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Phạm T và bà Trần Thị Ánh N chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2001.Việc kết hôn của ông bà trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Trong quá trình sống chung, ông bà sống hạnh phúc với nhau được thời gian đầu, đến cuối năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cơ bản là giữa hai người có hai quan điểm sống khác nhau,vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc. Đầu năm 2002, ông T bỏ nhà ra đi từ đó cho đến nay.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Phạm T và bà Trần Thị Ánh N chung sống, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trước đây, trong

thời gian sống chung, ông T và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gia đình không hòa hợp. Năm 2002, ông Phạm T bỏ nhà đi cho đến nay, khi đi ông T không thông báo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không biết, hiện nay ông T làm gì, ở đâu và địa phương không có thông tin gì của ông T.

Ngày 10/5/2013, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có Quyết định giải quyết việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số 08/2013/QĐST-VDS, tuyên bố ông Phạm T mất tích. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy HĐXX nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ánh N, cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp.

-*Về con chung:* Trong thời gian sống chung, bà Trần Thị Ánh N và ông Phạm T có 01 con chung tên là: Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 11/10/2001, hiện tại cháu L đang sinh sống cùng với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu và khả năng của bà N, vì vậy giao cháu Phạm Thị Ánh L cho bà Trần Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, do ông T được Tòa án tuyên bố mất tích nên bà N không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị Ánh N phải chịu án phí HN & GĐ sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ánh N.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Ánh N được ly hôn với ông Phạm T.

-*Về con chung*: Giao cháu Phạm Thị Ánh L, sinh ngày 11/10/2001 cho bà Trần Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do ông T được Tòa án tuyên bố mất tích nên bà N không đề cập vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-*Về án phí*: Bà Trần Thị Ánh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000627 ngày 14/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ánh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thành

Nơi nhận
- *Các đương sự (để thi hành).*
- *Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk*
- *VKSND TP.Buôn Ma Thuôt.*
- *Chi cục THADS TP.Buôn Ma Thuột.*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Huỳnh Thành

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- *Các đương sự (để thi hành).*
- *Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk*
-*VKSND TP.Buôn Ma Thuôt.*
- *Thi hành án dân sự TP.Buôn Ma Thuột.*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

Huỳnh Thành